

Task 1: Complete the table by finding words in the article with its meaning in Vietnamese

Meaning	Words (in the article)
Cột mốc quan trọng	
Sự thống nhất đất nước	
Sự giải phóng	
Lịch sử thời chiến	
Sự kiện quốc gia	
Sự tuân thủ nghi lễ hoặc lễ kỷ niệm	
Cựu chiến binh	
Anh hùng dân tộc	
Người sống sót sau chiến tranh	
Lòng yêu nước	
Niềm tự hào dân tộc	
Lòng biết ơn	
Tôn vinh/Kính trọng	
Hòa bình và sự thống nhất	

Task 2: Extra vocabs

List other words that you think you can use to talk about “history”:
